| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MỘC HÓA**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 37/2023/DS-ST
Ngày: 20-9-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Minh Trọng

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Hồ Thị Loan

Ông Nguyễn Thành Hiệp

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 129/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hùng C, sinh năm 1986

Địa chỉ: Số B B, Khu phố A, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

*2. Bị đơn:*

2.1. Ông Đỗ Thanh C1, sinh năm 1958

2.2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956

Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện M, tỉnh Long An.

*Ông Nguyễn Hùng C và ông Đỗ Thanh C1 có mặt. Bà Nguyễn Thị T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Hùng C trình bày:* Trong năm 2019-2020, vợ chồng ông C1 và bà T có mua thức ăn gia súc của ông C để chăn nuôi heo, hai bên thỏa thuận sau khi bán heo thì ông C1 và bà T phải thanh toán toàn bộ số tiền mua bán. Sau khi bán heo, ông C1 và bà T đã không thanh toán đầy đủ tiền mua bán, chỉ thanh toán được một phần. Đến ngày 05-01-2021, hai bên chốt số nợ còn lại là

20.000.000 đồng và có làm biên nhận nợ viết tay. Sau đó ông C1 và bà T không tiếp tục trả tiền mua bán mặc dù ông C đã yêu cầu nhiều lần.

Ông C khởi kiện yêu cầu ông C1 và bà T liên đới trả số tiền mua bán là 20.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện ông C yêu cầu tính lãi đối với số tiền chậm trả với mức 1,6%/tháng tính từ ngày 05-01-2021. Tại phiên tòa, ông C thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu tính lãi đối với số tiền chậm trả với mức 10%/năm tính từ ngày 05-01-2021 và chỉ yêu cầu tiền lãi là 5.000.000 đồng. Tổng cộng ông C yêu cầu tiền mua bán và tiền lãi chậm trả là 25.000.000 đồng.

- *Theo lời khai tại phiên tòa, bị đơn ông Đỗ Thanh C1 trình bày:* Thống nhất với nội dung mua bán như ông C đã trình bày, thống nhất đến ngày 05-01-2021 chốt nợ lại thì ông C1 và bà T còn nợ ông C số tiền mua bán là 20.000.000 đồng. Do nuôi heo không đạt, sau đó bị vướng dịch Covid-19 không chăn nuôi được nữa nên ông C1 và bà T đã không có khả năng trả tiền cho ông C và kéo dài cho đến hiện tại.

Qua yêu cầu khởi kiện của ông C thì ông C1 đồng ý trả nợ mua bán là 20.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi vì không có khả năng và xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

- *Ý kiến của bị đơn bà Nguyễn Thị T:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T vắng mặt và không nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Hùng C yêu cầu bị đơn ông Đỗ Thanh C1 và bà Nguyễn Thị T liên đới trả số tiền mua bán và lãi chậm trả tổng cộng 25.000.000 đồng. Xét thấy tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại Bộ luật Dân sự và bị đơn cư trú tại xã B, huyện M, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Xét thấy bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đo, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị T.

[3] Về việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hùng C:

Theo đơn khởi kiện, ông C yêu cầu tính lãi chậm trả với mức là 1,6%/tháng tính từ ngày 05-01-2021. Tại phiên tòa, ông C thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu tính lãi chậm trả với mức 10%/năm tính từ ngày 05-01-2021. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi của ông C vẫn trong phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hùng C đối với số tiền mua bán:

Tại phiên tòa, ông C và ông C1 trình bày thống nhất ông C1 và bà T có mua thức ăn gia súc (thức ăn nuôi heo) của ông C, tính đến ngày 05-01-2021 ông C1 và bà T đã trả được một phần và hai bên chốt số nợ còn lại là 20.000.000 đồng. Ông C1 cho rằng nuôi heo bị thua lỗ và ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên chưa trả được tiền mua bán cho ông C, thống nhất còn nợ số tiền 20.000.000 đồng. Như vậy, ông C1 đã thống nhất số nợ mua bán là 20.000.000 đồng, riêng bà T đã biết rõ yêu cầu khởi kiện cùng tài liệu, chứng cứ của ông C giao nộp nhưng không có ý kiến phản đối và xin vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định ông C1 và bà T có mua thức ăn gia súc và còn nợ ông C số tiền 20.000.000 đồng là đúng sự thật. Ông C1 và bà T thỏa thuận mua tài sản, đã nhận đủ tài sản nhưng chưa thanh toán tiền mua bán cho bên bán là vi phạm theo thỏa thuận và quy định tại khoản 1 Điều 440 của Bộ luật Dân sự. Do đó ông C khởi kiện yêu cầu ông C1 và bà T liên đới trả số tiền mua bán 20.000.000 đồng là phù hợp, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hùng C đối với số tiền lãi chậm trả:

Xét thấy ông C1 và bà T là bên mua nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền nên căn cứ khoản 3 Điều 440 của Bộ luật Dân sự thì ông C1 và bà T phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Theo nội dung biên nhận chốt nợ ngày 05-01-2021 hai bên không có thỏa thuận mức lãi suất chậm trả. Tại phiên tòa, ông C yêu cầu tính lãi với mức 10%/năm là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật D nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền lãi được tính từ ngày 05-01-2021 đến ngày 20-9-2023 là 989 ngày, mức lãi 10%/năm (365 ngày), như vậy tiền lãi được tính như sau:

20.000.000 đồng x (10%/365 ngày) x 989 ngày = 5.419.178 đồng.

Ông C chỉ yêu cầu ông C1 và bà T trả tiền lãi 5.000.000 đồng là phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự và có lợi cho ông C1 và bà T nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Như vậy tổng số tiền mua bán và tiền lãi chậm trả ông C1 và bà T có nghĩa vụ trả cho ông C là 25.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông C1 đề nghị được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin không tính lãi nhưng không được ông C đồng ý.

Xét thấy ông C1 và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền mua bán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự và đã kéo dài hơn 03 năm, tuy nhiên ông C1 tiếp tục đề nghị được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng, như vậy là trả dần kéo dài hơn 04 năm nữa, đề nghị trả dần và không trả lãi như trên là không phù hợp, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông C nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Đối với trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau khi xét xử sẽ được áp dụng theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự và điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[8] Về án phí:

Bị đơn ông Đỗ Thanh C1 và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tuy nhiên ông C1 và bà T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Ông Nguyễn Hùng C được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 357, 440 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27 và 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hùng C đối với ông Đỗ Thanh C1 và bà Nguyễn Thị T, về việc yêu cầu trả tiền mua bán.

Buộc ông Đỗ Thanh C1 và bà Nguyễn Thị T liên đới trả cho ông Nguyễn Hùng C số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí sơ thẩm:

Ông Đỗ Thanh C1 và bà Nguyễn Thị T được miễn nộp toàn bộ án phí.

Ông Nguyễn Hùng C không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010743 ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Hùng C và ông Đỗ Thanh C1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Minh Trọng**